

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI & THƯƠNG MẠI PRIME VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI & THƯƠNG MẠI PRIME VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PRIME VIETNAM TRANSPORT & TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PRIME VIETNAM T&T CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109205774

3. Ngày thành lập: 02/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26, hẻm 367/21/1, phố Ngô Xuân Quảng, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915234546

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229(Chính)
2.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
3.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; - Ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu (Trừ hoạt động đấu giá)	8299
6.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
7.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
9.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
11.	Bốc xếp hàng hóa	5224
12.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912

13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
14.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
18.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
19.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
20.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
21.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
23.	Bán buôn thực phẩm	4632
24.	Bán buôn đồ uống	4633
25.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
26.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
27.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
28.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
29.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
32.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
33.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
34.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
35.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ bán buôn hóa chất)	4669
36.	Bán buôn tổng hợp	4690
37.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
39.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

40.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
41.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke)	4723
42.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
43.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
44.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
45.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
46.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
51.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
52.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến ANTT, ATXH)	4764
53.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
54.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc)	4772
55.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn, tem, tiền kim khí, kinh doanh vàng)	4773
56.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
57.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
58.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
59.	Quảng cáo	7310
60.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra;)	7320
61.	Đại lý du lịch	7911

62.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
63.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
64.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
65.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
66.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
Số giấy chứng thực cá nhân: _____
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **HỒ VĂN HIỆT** Giới tính: **Nam**
Chức danh: **Giám đốc**
Sinh ngày: **20/11/1990** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**
Số giấy chứng thực cá nhân: **186898302**
Ngày cấp: **18/05/2007** Nơi cấp: **Công an tỉnh Nghệ An**
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Xóm Hồng Thọ, Xã Nghĩa Hồng, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam**
Chỗ ở hiện tại: **Số 26, hẻm 367/21/1, phố Ngô Xuân Quảng, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội